

Mẫu CBTT/SGDHCM-06

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2013/QĐ-SGDHCM ngày 24/07/2013 của TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

**CTCP VẬN TẢI
VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 0702-2021/CBTT-HATS

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM**

| | |
|-----------------------------------|---|
| Công ty | Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An |
| Mã chứng khoán | HAH |
| Địa chỉ trụ sở chính | Tầng 7, số 45, Phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| Điện thoại | 024.39877515 |
| Fax | 024.39444022 |
| Người thực hiện công bố thông tin | Nguyễn Ngọc Minh |
| Địa chỉ: | Tầng 3, tòa nhà Hải An, km2 đường Đình Vũ, P. Đông Hải, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam |
| Số điện thoại công ty | 0225.3979721 |
| Fax | 0225.3979718 |
| Loại thông tin công bố | <input type="checkbox"/> 24 giờ <input type="checkbox"/> bất thường <input type="checkbox"/> theo yêu cầu <input checked="" type="checkbox"/> định kỳ |

Nội dung thông tin công bố:

“Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020” của Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 26/02/2021 tại đường dẫn www.haiants.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Người được ủy quyền công bố thông tin



Nguyễn Ngọc Minh



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI
VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

MỤC LỤC

| | Trang |
|--|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 5 - 6 |
| 4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 | 7 - 10 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 | 11 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 | 12 - 13 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 | 14 - 47 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty được chuyển đổi hình thức từ Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103818809 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08 tháng 5 năm 2009.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 12 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi về việc thay đổi địa chỉ công ty, bổ sung ngành nghề kinh doanh, thành viên góp vốn. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 được cấp ngày 15 tháng 05 năm 2020 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 7, số 45 đường Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 0243 987 7515
- Fax : 0243 944 4022

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|--|---|
| Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An | Số 217 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại Bà Rịa – Vũng Tàu | Khu A, lô 17 khu nhà ở Phú Mỹ, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu |

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, Chi tiết:
 - Hoạt động liên quan đến vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa ven biển và viễn dương;
 - Hoạt động cảng biển, bến tàu, cầu tàu;
 - Hoạt động hoa tiêu, lai dắt, đưa tàu cập bến;
 - Hoạt động của trạm hải đăng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, Chi tiết:
 - Hoạt động liên quan đến vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa bằng đường bộ;
 - Hoạt động các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa;
 - Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy;
- Bốc xếp hàng hóa
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, Chi tiết:
 - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường bộ, đường biển;

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Giao nhận hàng hóa;
- Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn;
- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;
- Hoạt động của các đại lý làm vận tải hàng hóa đường biển;
- Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|----------------------|----------|---------------------------------------|
| Ông Vũ Ngọc Sơn | Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018 |
| Ông Vũ Thanh Hải | Ủy viên | Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018 |
| Bà Trần Thị Hải Yến | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018 |
| Ông Nguyễn Ngọc Tuấn | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2019 |
| Bà Nguyễn Thị Vân | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2019 |
| Ông Trần Quang Tiến | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2019 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm |
|------------------------|------------|---------------------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Thanh Tú | Trưởng ban | Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018 |
| Bà Trần Thị Thơm | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018 |
| Ông Nguyễn Xuân Lộc | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018 |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|----------------------|-------------------|--------------------------|
| Ông Vũ Thanh Hải | Tổng Giám đốc | Ngày 29 tháng 6 năm 2018 |
| Ông Nguyễn Ngọc Tuấn | Phó Tổng Giám đốc | Ngày 5 tháng 10 năm 2017 |
| Ông Trần Quang Tiến | Phó Tổng Giám đốc | Ngày 1 tháng 6 năm 2020 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Vũ Thanh Hải – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

Ngày 23 tháng 02 năm 2021

| | | |
|---------------------|---|--------------------|
| Head Office | : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 | kttv@a-c.com.vn |
| Branch in Hà Nội | : 40 Giảng Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 | kttv.hn@a-c.com.vn |
| Branch in Nha Trang | : Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 | kttv.nt@a-c.com.vn |
| Branch in Cần Thơ | : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 | kttv.ct@a-c.com.vn |

Số: 2.0066/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 23 tháng 02 năm 2021, từ trang 07 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An và các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức – Giám đốc
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 0368-2018-008-1

Trần Kim Anh – Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 1907-2018-008-1

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 694.951.524.534 | 664.754.010.138 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 221.024.298.549 | 243.326.890.100 |
| 1. Tiền | 111 | | 120.844.888.520 | 118.294.170.323 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 100.179.410.029 | 125.032.719.777 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 79.993.231.056 | 51.981.363.014 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2a | 79.993.231.056 | 51.981.363.014 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 307.576.580.013 | 267.343.034.818 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 147.333.799.623 | 117.897.225.787 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 8.218.431.965 | 27.299.869.009 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.5 | 20.000.000.000 | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.6a | 133.449.815.135 | 123.210.836.378 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.7 | (1.425.466.710) | (1.064.896.356) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 45.700.049.216 | 53.198.489.706 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.8 | 45.700.049.216 | 53.198.489.706 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 40.657.365.700 | 48.904.232.500 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.9a | 5.561.801.928 | 4.223.426.408 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 35.095.563.772 | 44.680.806.092 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 1.399.599.754.011 | 1.162.790.192.860 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | 10.000.000 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.6b | - | 10.000.000 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 1.098.459.058.012 | 854.670.089.064 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.10 | 1.075.082.450.678 | 850.300.321.404 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 1.784.984.241.833 | 1.419.105.679.781 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (709.901.791.155) | (568.805.358.377) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | V.11 | 20.759.018.477 | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | 25.419.206.295 | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | (4.660.187.818) | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.12 | 2.617.588.857 | 4.369.767.660 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 11.754.927.885 | 11.754.927.885 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (9.137.339.028) | (7.385.160.225) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 667.181.817 | 11.702.435.197 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.13 | 667.181.817 | 11.702.435.197 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 50.448.750.968 | 44.474.068.209 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | V.2b | 39.997.884.468 | 34.023.201.709 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.2c | 10.450.866.500 | 10.450.866.500 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 250.024.763.214 | 251.933.600.390 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.9b | 250.024.763.214 | 251.933.600.390 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| 5. Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 2.094.551.278.545 | 1.827.544.202.998 |

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 758.754.665.369 | 572.861.976.118 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 320.362.315.214 | 285.902.315.289 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.14 | 85.352.356.262 | 99.823.206.611 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 1.037.014.948 | 638.338.680 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.15 | 16.649.110.525 | 12.145.971.653 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 19.511.984.916 | 17.203.459.004 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.16 | 10.549.642.232 | 5.859.543.849 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | V.17 | 1.933.281.383 | 1.956.766.916 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.18a | 45.992.688.083 | 42.312.468.857 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.19a | 111.326.082.508 | 83.593.297.362 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | V.20 | 2.648.342.710 | 2.648.342.710 |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.21 | 25.361.811.647 | 19.720.919.647 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 438.392.350.155 | 286.959.660.829 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.18b | 90.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.19b | 348.392.350.155 | 236.959.660.829 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 1.335.796.613.176 | 1.254.682.226.880 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.22 | 1.335.796.613.176 | 1.254.682.226.880 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 487.827.510.000 | 487.827.510.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 487.827.510.000 | 487.827.510.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 115.606.612.922 | 115.606.612.922 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | (22.905.485.178) | (14.920.919.678) |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 235.778.070.809 | 206.901.070.809 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 252.444.167.284 | 200.523.678.148 |
| - LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước | 421a | | 114.147.880.148 | 200.523.678.148 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 138.296.287.136 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 267.045.737.339 | 258.744.274.679 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 2.094.551.278.545 | 1.827.544.202.998 |

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hào

Trưởng phòng TCKT



Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 23 tháng 02 năm 2021

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|--|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 1.191.667.202.379 | 1.108.933.049.361 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 1.191.667.202.379 | 1.108.933.049.361 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 952.285.475.767 | 889.647.403.512 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 239.381.726.612 | 219.285.645.849 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 17.098.768.769 | 15.447.852.651 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 24.817.310.141 | 17.355.030.825 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 23.451.710.381 | 17.035.078.178 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | 5.974.682.759 | 3.056.485.639 |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.5 | 67.886.331.138 | 67.209.162.972 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 169.751.536.861 | 153.225.790.342 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | VI.6 | 1.228.908.883 | 3.601.203.070 |
| 13. Chi phí khác | 32 | VI.7 | 820.951.042 | 724.380.661 |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | | 407.957.841 | 2.876.822.409 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 170.159.494.702 | 156.102.612.751 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.15 | 23.561.744.906 | 23.364.083.090 |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 146.597.749.796 | 132.738.529.661 |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | | 138.296.287.136 | 121.378.387.528 |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | 8.301.462.660 | 11.360.142.133 |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.8 | 2.734 | 2.348 |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.8 | 2.734 | 2.348 |

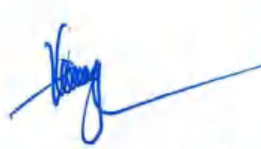
Lập, ngày 23 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hảo

Trưởng phòng TCKT



Trần Thị Thanh Hảo

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | |
|--|-----------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 170.159.494.702 | 156.102.612.751 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | VI.9 | 137.201.480.785 | 116.852.289.217 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | VI.5 | 360.570.354 | 358.973.532 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | 129.401.374 | 19.136.700 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (12.728.640.343) | (14.691.764.984) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.4 | 23.451.710.381 | 17.035.078.178 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 318.574.017.253 | 275.676.325.394 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (8.725.554.032) | (24.335.946.689) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 7.498.440.490 | (18.218.535.872) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 40.220.970.862 | 46.339.678.234 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (30.728.425.678) | (43.528.718.235) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (21.979.186.606) | (16.702.690.751) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.15 | (23.501.449.118) | (26.127.401.167) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.21 | (4.465.108.000) | (8.941.743.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 276.893.705.171 | 184.160.967.914 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (348.963.627.633) | (197.767.023.014) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | 3.891.272.726 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (77.493.231.056) | (38.481.363.014) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 29.481.363.014 | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | (294.000.000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | 1.803.100.000 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 13.528.122.595 | 11.343.108.119 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (383.447.373.080) | (219.504.905.183) |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | |
|--|-----------|----------------|-------------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | V.19 | (7.984.565.500) | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.19 | 295.710.051.942 | 185.287.410.295 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.19 | (155.947.180.643) | (106.346.905.689) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (47.275.936.600) | (72.314.547.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 84.502.369.199 | 6.625.957.606 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (22.051.298.710) | (28.717.979.663) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 243.326.890.100 | 272.125.233.675 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | (251.292.841) | (80.363.912) |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 221.024.298.549 | 243.326.890.100 |

Lập, ngày 23 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hảo

Trưởng phòng TCKT



Trần Thị Thanh Hảo

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển, vận tải biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tài cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ lợi ích | | Tỷ lệ quyền biểu quyết | |
|---------------------------------------|---|--|---------------|------------|------------------------|------------|
| | | | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Công ty TNHH Cảng Hải An | Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng | Cung cấp dịch vụ cảng biển | 100% | 100% | 100% | 100% |
| Công ty TNHH Vận tải Container Hải An | Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng | Dịch vụ vận tải ven biển và viễn dương | 50,5% | 50,5% | 50,5% | 50,5% |
| Công ty TNHH Pan Hải An | Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng | Dịch vụ Depot | 51% | 51% | 51% | 51% |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5c. Danh sách các Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ phần sở hữu | | Tỷ lệ quyền biểu quyết | |
|--|---|--------------------------------|-------------------|------------|------------------------|------------|
| | | | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An (*) | Tầng 2 tòa nhà Hải An, Km2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng | Dịch vụ đại lý | 50% | 50% | 50% | 50% |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An | Tầng 14 tòa nhà Việt, số 1 phố Thái Hà, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ | 36,89% | 36,89% | 36,89% | 36,89% |

(*) Là Công ty liên kết của Công ty con – Công ty TNHH Cảng Hải An

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính có 407 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 341 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀ AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀ AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền từng lần nhập xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa tài sản cố định, tiền thuê đất trả trước và chi phí lên đà tàu. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm trả trước thể hiện khoản tiền phí bảo hiểm đã trả cho các kỳ sau. Chi phí bảo hiểm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty TNHH Pan Hải An đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (498 tháng).

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5-20 |
| Máy móc và thiết bị | 3-10 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6-12 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3-8 |
| Tài sản cố định khác | 4-10 |

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính là container là 05 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ,

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

16. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

17. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Hội đồng quản trị có thẩm quyền tạm ứng cổ tức cho cổ đông.

18. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| Tiền mặt | 3.067.339.993 | 2.958.232.290 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 117.777.548.527 | 115.335.938.033 |
| Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) | 100.179.410.029 | 125.032.719.777 |
| Cộng | 221.024.298.549 | 243.326.890.100 |

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

| | Giá gốc | Số cuối năm Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư | Cộng | Giá gốc | Số đầu năm Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư | Cộng |
|---|-----------------------|--|-----------------------|-----------------------|---|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An ⁽ⁱ⁾ | 1.494.000.000 | 8.308.015.084 | 9.802.015.084 | 1.494.000.000 | 3.914.485.748 | 5.408.485.748 |
| Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An ⁽ⁱⁱ⁾ | 12.500.000.000 | 17.695.869.384 | 30.195.869.384 | 12.500.000.000 | 16.114.715.961 | 28.614.715.961 |
| Cộng | 13.994.000.000 | 26.003.884.468 | 39.997.884.468 | 13.994.000.000 | 20.029.201.709 | 34.023.201.709 |

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108111428 thay đổi lần thứ 2 ngày 20/11/2019, Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An là 4.050.000.000 VND, tương ứng 4.050.000 cổ phần. Công ty sở hữu 149.400 cổ phần của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An, chiếm 36,89% vốn điều lệ của công ty này.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201244461 thay đổi lần thứ hai ngày 13 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, vốn điều lệ của Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An là 25.000.000.000 VND, Công ty TNHH Cảng Hải An đầu tư vào Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An 12.500.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

| | Giá trị phần sở hữu đầu năm | Phần lãi hoặc lỗ trong năm | Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm | Giá trị phần sở hữu cuối năm |
|---|--------------------------------|-------------------------------|--|---------------------------------|
| Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An | 5.408.485.748 | 5.140.529.336 | (747.000.000) | 9.802.015.084 |
| Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An | 28.614.715.961 | 3.456.153.423 | (1.875.000.000) | 30.195.869.384 |
| Cộng | 34.023.201.709 | 8.596.682.759 | (2.622.000.000) | 39.997.884.468 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------|------------------|
| Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An | | |
| Chuyển tiền góp vốn cho Công ty liên kết | - | 294.000.000 |
| Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết | 117.027.363.513 | 81.456.610.663 |
| Thuê văn phòng của Tập đoàn | 56.716.484 | - |
| Công ty liên kết cung cấp dịch vụ cho Tập đoàn | 19.022.482.474 | 4.042.473.827 |
| Thu tiền góp vốn theo hợp đồng BCC của Công ty liên kết | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 |
| Công ty chia lãi hợp đồng BCC | 300.438.610 | - |
| Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An | | |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết | 28.028.317.850 | 18.765.693.145 |
| Sử dụng dịch vụ đại lý của Công ty liên kết | 4.775.917.144 | 4.589.157.893 |
| Nhận vốn của Công ty liên kết theo hợp đồng BCC | 10.000.000.000 | - |
| Trả vốn góp BCC cho Công ty liên kết | - | 1.803.100.000 |
| Trả lợi nhuận BCC cho Công ty liên kết | 2.194.760.692 | 2.175.000.000 |

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
| | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức (*) | 10.000.000.000 | - | 10.000.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đông Đô | 450.000.000 | - | 450.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải | 864.000 | - | 864.000 | - |
| Công ty Cổ phần MHC | 2.500 | - | 2.500 | - |
| Cộng | 10.450.866.500 | - | 10.450.866.500 | - |

(*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105430472 thay đổi lần thứ 09 ngày 18 tháng 05 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tập đoàn đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức số tiền 10.000.000.000 VND, tương ứng 16,67% vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------|------------------------|
| Phải thu các bên liên quan | 39.212.027.871 | 30.415.636.726 |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An | 26.185.367.298 | 18.264.644.398 |
| Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An | 6.019.934.148 | 4.193.957.248 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An | 10.665.289 | |
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức | 647.396.950 | 661.078.545 |
| Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng | 5.907.495.186 | 7.290.556.535 |
| Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức | 60.214.000 | 5.400.000 |
| Công ty Cổ phần Logistics New Way | 380.955.000 | |
| Phải thu các khách hàng khác | 108.121.771.752 | 87.481.589.061 |
| Ocean Network Express Pte. Ltd., | 6.509.709.713 | 13.302.195.064 |
| Công ty TNHH Hapag-Lloyd Việt Nam | 10.571.026.460 | 12.647.063.334 |
| Các khách hàng khác | 91.041.035.579 | 61.532.330.663 |
| Cộng | 147.333.799.623 | 117.897.225.787 |

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH Thương mại Tân Hồng | - | 21.494.850.000 |
| Wartsila Water Systems Limited | - | 3.483.732.014 |
| Alfa Laval Singapore Pte Ltd | 2.698.889.490 | |
| Kocks Ardel Kranbau GMBH | 1.677.109.838 | - |
| Hongda Ocean Shipping Supply Co., Ltd | 939.931.217 | |
| Các nhà cung cấp khác | 2.902.501.420 | 2.321.286.995 |
| Cộng | 8.218.431.965 | 27.299.869.009 |

5. Phải thu về cho vay

Là khoản cho Ông Lê Phong Hiếu vay để nộp tiền thuê đất 1 lần cho Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mà hiện nay hai bên đang hợp tác. Thời hạn vay 6 tháng từ ngày 12 tháng 5 năm 2020, nợ gốc và lãi được trả 1 lần vào ngày đến hạn. Khoản vay này được gia hạn thanh toán chậm nhất vào ngày 26/2/2021.

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|------------------------|-----------------|------------------------|-----------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Phải thu các bên liên quan | 147.055.385 | | 138.601.903 | |
| Các khoản chi hộ | 147.055.385 | | 138.601.903 | |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 133.302.759.750 | | 123.072.234.475 | |
| Lãi tiền gửi dự thu | 711.073.920 | | 1.510.556.172 | |
| Đặt cọc để chuyển nhượng dự án (*) | 112.423.676.376 | | 92.763.292.500 | |
| Đặt cọc để nhận chuyển Bất động sản | - | | 22.000.000.000 | |
| Ký cược, ký quỹ | 653.518.076 | | 2.114.986.820 | |
| Tạm ứng | 920.330.120 | | 801.180.000 | |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-------------------------------------|------------------------|----------|------------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Tạm tính cước vận chuyển đường biển | 18.012.838.126 | | 2.775.540.020 | |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 581.323.132 | | 1.106.678.963 | |
| Cộng | 133.449.815.135 | | 123.210.836.378 | |

- (i) Là khoản đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc số 01/HĐĐC ngày 06 tháng 12 năm 2017 và Phụ lục hợp đồng đặt cọc số 01/PLHĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 để tiến tới ký kết hợp đồng nhận chuyển nhượng 90% quyền đầu tư Dự án “Bãi container và dịch vụ cảng” tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Dự án “Bãi container và dịch vụ cảng” đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho phép chuyển hình thức từ thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê còn lại với diện tích 310.507,9 m² theo quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2019.
- (ii) Theo hợp đồng đặt cọc ngày 24 tháng 12 năm 2019 và phụ lục hợp đồng đặt cọc số 01 ngày 30 tháng 12 năm 2019 giữa Công ty và Công ty Cổ phần MHC (gọi tắt là “MHC”), Công ty đã đặt cọc cho MHC số tiền 22.000.000.000 VND để tiến tới việc thỏa thuận và ký kết Hợp đồng chuyển nhượng “Bất động sản” là Tòa nhà Hải An. Ngày 20 tháng 01 năm 2020, Công ty đã có Công văn số 1601-2020/CV-HATS về gia hạn thời gian thẩm định điều kiện chuyển nhượng Tòa nhà Hải An đến ngày 28 tháng 02 năm 2020 và được MHC chấp thuận. Tại ngày kết thúc năm tài chính, 2 bên đã hoàn thành xong việc bàn giao Tòa nhà.

6b. Phải thu dài hạn khác

Là tiền ký quỹ, ký cược dài hạn.

7. Nợ xấu

| | Thời gian quá hạn | Số cuối năm | | Thời gian quá hạn | Số đầu năm | |
|---|--------------------|----------------------|------------------------|--------------------|----------------------|------------------------|
| | | Giá gốc | Dự phòng | | Giá gốc | Dự phòng |
| Công ty TNHH Vận tải Hưng Thịnh | Trên 3 năm | 65.089.486 | (65.089.486) | Trên 3 năm | 65.089.486 | (65.089.486) |
| Công ty TNHH Vận tải Thương mại Hoàng Gia | Trên 3 năm | 99.744.126 | (99.744.126) | Trên 3 năm | 99.744.126 | (99.744.126) |
| Navigator Marine Corp | Từ 1 năm đến 2 năm | 1.800.904.425 | (1.260.633.098) | Từ 1 năm đến 2 năm | 1.800.125.488 | (900.062.744) |
| Cộng | | 1.965.738.037 | (1.425.466.710) | | 1.964.959.100 | (1.064.896.356) |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 1.064.896.356 | 705.922.824 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 360.570.354 | 358.973.532 |
| Hoàn nhập dự phòng | - | - |
| Số cuối năm | 1.425.466.710 | 1.064.896.356 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI ANĐịa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Hàng tồn kho**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-----------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 45.661.483.499 | | 53.084.622.433 | |
| Công cụ, dụng cụ | 38.565.717 | | 113.867.273 | |
| Cộng | 45.700.049.216 | | 53.198.489.706 | |

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí đầu nhòn | 2.171.401.717 | 2.200.822.080 |
| Chi phí bảo hiểm | 2.117.784.222 | 1.729.027.263 |
| Công cụ dụng cụ | 265.151.265 | 103.758.407 |
| Chi phí thuê văn phòng | 64.000.000 | 64.000.000 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 943.464.724 | 125.818.658 |
| Cộng | 5.561.801.928 | 4.223.426.408 |

9b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí lên đà tàu Hải An Park | 9.200.511.300 | 536.562.224 |
| Chi phí lên đà tàu Hải An Song | 4.265.759.662 | 9.384.671.266 |
| Chi phí lên đà tàu Hải An Time | 573.718.591 | 7.458.341.659 |
| Chi phí lên đà tàu Hải An Bell | 3.387.910.883 | 9.195.758.111 |
| Chi phí lên đà tàu Hải An Link | 10.513.215.441 | |
| Công cụ dụng cụ | 4.388.324.622 | 2.124.443.594 |
| Tiền thuê đất (*) | 217.347.219.672 | 223.017.147.144 |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 348.103.043 | 216.676.392 |
| Cộng | 250.024.763.214 | 251.933.600.390 |

- (*) Công ty TNHH Pan Hải An thuê đất diện tích 154.000 m2 trong Khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ của Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Đình Vũ (nay đổi tên thành “Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Sao Đỏ”) theo hợp đồng số 05.HĐTĐ/2017 ký ngày 25 tháng 10 năm 2017 để đầu tư xây dựng và kinh doanh kho bãi container cùng các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đầu tư, tổng giá trị hợp đồng chưa bao gồm thuế GTGT 10% là 235.301.990.000 VND, thời hạn thuê từ ngày ký hợp đồng đến ngày 06 tháng 5 năm 2059.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

| | <u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u> | <u>Máy móc và thiết bị</u> | <u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u> | <u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u> | <u>Tài sản cố định khác</u> | <u>Cộng</u> |
|---|-----------------------------------|--------------------------------|--|--------------------------------------|---------------------------------|--------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 279.639.209.149 | 296.669.497.863 | 800.123.643.344 | 3.319.955.207 | 39.353.374.218 | 1.419.105.679.781 |
| Mua trong năm (*) | 25.000.000.000 | 22.543.384.111 | 165.885.937.623 | 1.379.523.055 | - | 214.808.844.789 |
| Đầu tư XDCB hoàn thành | 151.069.717.263 | - | - | - | - | 151.069.717.263 |
| Số cuối năm | 455.708.926.412 | 319.212.881.974 | 966.009.580.967 | 4.699.478.262 | 39.353.374.218 | 1.784.984.241.833 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng Chờ thanh lý | 40.566.443.043 | 176.404.309.938 | 1.902.238.273 | 1.851.446.798 | 141.136.364 | 220.865.574.416 |
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Số đầu năm | 123.979.328.592 | 212.601.225.226 | 221.748.943.711 | 2.058.710.854 | 8.417.149.994 | 568.805.358.377 |
| Khấu hao trong năm | 20.677.700.141 | 32.288.137.982 | 83.706.567.355 | 432.975.657 | 3.991.051.643 | 141.096.432.778 |
| Số cuối năm | 144.657.028.733 | 244.889.363.208 | 305.455.511.066 | 2.491.686.511 | 12.408.201.637 | 709.901.791.155 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu năm | 155.659.880.557 | 84.068.272.637 | 578.374.699.633 | 1.261.244.353 | 30.936.224.224 | 850.300.321.404 |
| Số cuối năm | 311.051.897.679 | 74.323.518.766 | 660.554.069.901 | 2.207.791.751 | 26.945.172.581 | 1.075.082.450.678 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng Đang chờ thanh lý | | | | | | |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 632.410.252.545 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

(*) Trong năm, Công ty đã mua tòa nhà văn phòng điều hành bãi Container Hải An – công trình xây dựng gắn liền với diện tích 4.369,8m² đất thuê theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm tại địa chỉ phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Công ty đang làm các thủ tục chuyển đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. Thời gian khấu hao của tài sản này đang được tạm xác định theo thời gian thuê đất còn lại là 13 năm. Thời gian khấu hao có thể thay đổi theo thời gian thuê đất thực tế còn lại, thể hiện trong Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất được cấp cho công ty sau này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Là lô 300 container 40HC được Công ty TNHH Vận tải Container Hải An thuê của Công ty Beacon Intermodal Leasing LLC (xem thuyết minh số V.19).

| | Nguyên giá | Hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|--------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | - | - | - |
| Thuê tài chính trong năm | 25.419.206.295 | - | 25.419.206.295 |
| Khấu hao trong năm | - | (4.660.187.818) | (4.660.187.818) |
| Số cuối năm | 25.419.206.295 | (4.660.187.818) | 20.759.018.477 |

12. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Chương trình phần mềm máy tính | Cộng |
|--------------------|----------------------|--------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 4.945.015.236 | 6.809.912.649 | 11.754.927.885 |
| Số cuối năm | 4.945.015.236 | 6.809.912.649 | 11.754.927.885 |

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Giá trị hao mòn

| | | | |
|--------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 2.250.218.013 | 5.134.942.212 | 7.385.160.225 |
| Khấu hao trong năm | 1.230.908.799 | 521.270.004 | 1.752.178.803 |
| Số cuối năm | 3.481.126.812 | 5.656.212.216 | 9.137.339.028 |

Giá trị còn lại

| | | | |
|--------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 2.694.797.223 | 1.674.970.437 | 4.369.767.660 |
| Số cuối năm | 1.463.888.424 | 1.153.700.433 | 2.617.588.857 |

Trong đó:

Tạm thời không sử dụng

Đang chờ thanh lý

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm | Kết chuyển sang chi phí chờ phân bổ | Số cuối năm |
|------------------------------|-----------------------|-----------------------------|--|-------------------------------------|--------------------|
| Mua sắm tài sản cố định | 11.152.632.790 | 204.223.939.271 | (214.808.844.789) | - | 567.727.272 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 435.454.545 | 157.791.026.353 | (151.069.717.263) | (7.066.309.090) | 90.454.545 |
| Sửa chữa lớn tài sản cố định | 114.347.862 | 24.127.230.382 | - | (24.232.578.244) | 9.000.000 |
| Cộng | 11.702.435.197 | 386.142.196.006 | (365.878.562.052) | (31.298.887.334) | 667.181.817 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | <i>15.852.617.924</i> | <i>15.340.925.199</i> |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An | 9.170.954.744 | 1.281.250.193 |
| Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An | 1.254.688 | |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An | 1.050.282.593 | 1.604.994.027 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà | 63.365.729 | 423.691.560 |
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức | 3.810.048.172 | 2.916.537.266 |
| Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa Phương Thức | 1.756.712.000 | 99.660.000 |
| Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận số 1 | - | 8.571.196.122 |
| Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh | - | 443.596.031 |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | <i>69.499.738.338</i> | <i>84.482.281.412</i> |
| ForkliftCenter Rental B.V | - | 8.921.523.520 |
| BMS United Bunkers (Asia) Limited | 7.969.273.754 | 13.569.819.367 |
| PT Indofuels Limited | 7.447.818.889 | 10.870.726.364 |
| Công ty TNHH Thương mại Tân Hồng | 7.603.208.950 | |
| Các nhà cung cấp khác | 46.479.436.745 | 51.120.212.161 |
| Cộng | <u>85.352.356.262</u> | <u>99.823.206.611</u> |

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số phải nộp trong năm</u> | <u>Số đã thực nộp trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|--|------------------------------|-------------------------------|---------------------------------|------------------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 3.006.520.044 | 45.572.453.172 | (43.944.030.948) | 4.634.942.268 |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | 17.303.515.206 | (17.303.515.206) | - |
| Thuế xuất, nhập khẩu | - | 757.957.258 | (757.957.258) | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 6.782.888.987 | 27.078.241.175 | (23.501.449.118) | 10.359.681.044 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 2.356.562.622 | 4.516.257.309 | (5.218.332.718) | 1.654.487.213 |
| Tiền thuê đất | - | 5.549.214.678 | (5.549.214.678) | - |
| Thuế môn bài | - | 2.450.503.600 | (2.450.503.600) | - |
| Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 15.000.000 | (15.000.000) | - |
| Cộng | <u>12.145.971.653</u> | <u>103.243.142.398</u> | <u>(98.740.003.526)</u> | <u>16.649.110.525</u> |

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

| | |
|---|-----|
| Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước tàu chạy nước ngoài, cước cho thuê tàu | 0% |
| Cung cấp nước ngọt | 5% |
| Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác | 10% |

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Hoạt động khai thác cảng của Công ty mẹ được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2011 theo Điểm 1.3 Mục III Phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 6388338018 ngày 09 tháng 10 năm 2017 do Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp, Công ty TNHH Pan Hải An nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động dịch vụ kho bãi và lưu giữ, bốc xếp hàng hóa với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư mới có doanh thu (từ năm 2018 đến năm 2032), được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án đầu tư mới, trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư thì thời gian miễn thuế tính từ năm thứ tư (từ năm 2021 đến năm 2024) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2025 đến năm 2033)

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 23.561.744.906 | 23.364.083.090 |
| Thuế TNDN phải nộp hộ các bên hợp tác kinh doanh | 3.516.496.269 | 1.746.599.059 |
| Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | <u>27.078.241.175</u> | <u>25.110.682.149</u> |

(*) Công ty TNHH Cảng Hải An được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của kỳ tính thuế TNDN năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế TNDN phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuế đất

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| Chi phí lãi vay phải trả | 2.861.778.538 | 1.389.254.763 |
| Chi phí bảo hiểm thân tàu | - | 106.779.250 |
| Chi phí môi giới | 563.948.210 | 160.189.500 |
| Tạm tính chi phí khai thác tàu | 7.022.024.945 | 3.900.654.995 |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 101.890.539 | 302.665.341 |
| Cộng | <u>10.549.642.232</u> | <u>5.859.543.849</u> |

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu nhận trước tiền cho thuê tàu.

18. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**18a. Phải trả ngắn hạn khác**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 14.335.985.078 | 7.381.780.374 |
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải đa phương thức - lãi hợp tác kinh doanh | 4.118.475.525 | 1.772.128.724 |
| Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An - lãi hợp tác kinh doanh | 3.397.647.176 | 2.238.924.406 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà - lãi hợp tác kinh doanh | 5.337.853.127 | 2.794.288.634 |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An - lãi hợp tác kinh doanh | 1.212.009.250 | 300.438.610 |
| Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát | 270.000.000 | 276.000.000 |
| Phải trả các đơn vị và cá nhân khác | 31.656.703.005 | 34.930.688.483 |
| Các khoản thu hộ SM Line Corporation | 26.236.882.839 | 32.866.011.150 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 4.294.000.000 | 780.000.000 |
| Kinh phí công đoàn | 354.856.428 | 462.357.036 |
| Cổ tức phải trả | 535.811.400 | 418.950.000 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 235.152.338 | 403.370.297 |
| Cộng | <u>45.992.688.083</u> | <u>42.312.468.857</u> |

18b. Phải trả dài hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả các bên liên quan - về góp vốn BCC theo hợp đồng số 48/HĐHTKD^(*) | 25.000.000.000 | 25.000.000.000 |
| Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 |
| Phải trả các bên liên quan - về góp vốn BCC theo hợp đồng số 66/HĐHTKD^(*) | 25.000.000.000 | 25.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Phải trả các bên liên quan - về góp vốn BCC theo hợp đồng số 68/HĐHTKD^(*) | 40.000.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An | 5.000.000.000 | - |
| Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An | 10.000.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà | 10.000.000.000 | - |
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức | 15.000.000.000 | - |
| Cộng | <u>90.000.000.000</u> | <u>50.000.000.000</u> |

- (*) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48-HĐHTKD ngày 18/4/2017, Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 66/HĐHTKD ngày 08/5/2019 và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 68/HĐHTKD ngày 29/6/2020 về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container thì Công ty là "Bên kiểm soát". Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng BCC số 48-HĐHTKD ngày 18/4/2017 như sau:

| | <u>Số tiền (VND)</u> | <u>Tỷ Lệ %</u> |
|---|------------------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An | 45.000.000.000 | 56,25% |
| Công ty TNHH Vận tải Container Hải An | 10.000.000.000 | 12,50% |
| Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An | 10.000.000.000 | 12,50% |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà | 10.000.000.000 | 12,50% |
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức | 5.000.000.000 | 6,25% |
| Cộng | <u>80.000.000.000</u> | <u>100,00%</u> |

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng BCC số 66/HĐHTKD ngày 08/5/2019 như sau:

| | <u>Số tiền (VND)</u> | <u>Tỷ Lệ %</u> |
|---|------------------------------|--------------------|
| Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An | 40.000.000.000 | 53,33% |
| Công ty TNHH Vận tải Container Hải An | 10.000.000.000 | 13,33% |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An | 5.000.000.000 | 6,68% |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà | 10.000.000.000 | 13,33% |
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức | 10.000.000.000 | 13,33% |
| Cộng | <u>75.000.000.000</u> | <u>100%</u> |

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng BCC số 68/HĐHTKD ngày 29/6/2020 như sau:

| | <u>Số tiền (VND)</u> | <u>Tỷ Lệ %</u> |
|---|-------------------------------|--------------------|
| Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An | 30.000.000.000 | 30% |
| Công ty TNHH Vận tải Container Hải An | 30.000.000.000 | 30% |
| Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An | 5.000.000.000 | 5% |
| Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An | 10.000.000.000 | 10% |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà | 10.000.000.000 | 10% |
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức | 15.000.000.000 | 15% |
| Cộng | <u>100.000.000.000</u> | <u>100%</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn****19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------|-----------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 22.089.932.577 | 7.861.226.074 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱ⁾ | 13.200.000.000 | |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱⁱ⁾ | 8.889.932.577 | 7.861.226.074 |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b) | 81.202.169.555 | 75.732.071.288 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1 | 4.679.405.690 | 6.229.942.463 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng | 66.459.603.865 | 69.502.128.825 |
| Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính | 10.063.160.000 | - |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả | 8.033.980.376 | - |
| Beacon Intermodal Leasing LLC | 8.033.980.376 | - |
| Cộng | 111.326.082.508 | 83.593.297.362 |

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng cấp tín dụng số 01.2019/VCB-HAIAN ngày 20 tháng 12 năm 2019, hạn mức vay là 30.000.000.000 VND để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngắn hạn của Công ty với thời hạn vay là 4 tháng.
- (ii) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/14287326/HĐTĐ ngày 30/09/2020 để tài trợ cho nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng, thời hạn vay 12 tháng, hạn mức cho vay 25.000.000.000 VND. Lãi suất cho vay được xác định theo từng lần giải ngân.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

| | <u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u> | <u>Vay dài hạn đến hạn trả</u> | <u>Nợ thuê tài chính đến hạn trả</u> | <u>Cộng</u> |
|---------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------|--|------------------------|
| Số đầu năm | 7.861.226.074 | 75.732.071.288 | - | 83.593.297.362 |
| Số tiền vay phát sinh trong năm | 62.257.315.651 | 25.000.000.000 | - | 87.257.315.651 |
| Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn | - | 83.872.350.595 | 10.156.552.050 | 94.028.902.645 |
| Số tiền vay đã trả trong năm | (48.028.609.148) | (103.402.252.328) | (2.122.571.674) | (153.553.433.150) |
| Số cuối năm | 22.089.932.577 | 81.202.169.555 | 8.033.980.376 | 111.326.082.508 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19b. Vay dài hạn**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------|------------------------|
| <i>Vay bên liên quan</i> | 46.430.000.000 | - |
| Pantos Holding Incorporation ⁽ⁱ⁾ | 46.430.000.000 | |
| <i>Vay dài hạn ngân hàng</i> | 288.811.443.403 | 236.959.660.829 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng ⁽ⁱⁱ⁾ | 249.756.955.753 | 228.432.137.009 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch 1 ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 3.833.437.650 | 8.527.523.820 |
| Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính ^(iv) | 35.221.050.000 | - |
| <i>Nợ thuê tài chính</i> | 13.150.906.752 | - |
| Công ty Beacon Intermodal Leasing LLC ^(v) | 13.150.906.752 | |
| Cộng | 348.392.350.155 | 236.959.660.829 |

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

- (i) Khoản vay Pantos Holding Incorporation theo Hợp đồng vay số 01/HĐVV/PANTOS-PANHAIAN ngày 06/03/2020 với số tiền 2.000.000 USD; để bổ sung vốn thực hiện giai đoạn II của Dự án Trung tâm Logistics Pantos - Hải An với lãi suất cố định 5%/năm. Thời hạn khoản vay là 05 năm kể từ ngày đầu tiên nhận khoản vay (ngày 26/3/2020), có thể trả nợ gốc 1 lần hoặc nhiều lần. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.
- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 2016/DA/HĐTD/VCB-HA ngày 06 tháng 9 năm 2016 để đầu tư hệ thống 10 xe chở Container, thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, không ân hạn. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư.
 - Hợp đồng tín dụng số 01/2018/VCB-HAIAN ngày 15/10/2018, mục đích vay tài trợ cho việc thực hiện Dự án đầu tư tàu container Sinar Brani, thời hạn cho vay là 60 tháng (5 năm) kể từ ngày tiếp theo của Ngày Giải ngân Vốn vay lần đầu tiên, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, thời hạn trả nợ là 19 kỳ (mỗi kỳ 3 tháng), kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn, lãi vay trả 3 tháng/ lần. Khoản vay được đảm bảo bằng tàu Hải An Link.
 - Hợp đồng tín dụng trung dài hạn 01.2019/HĐCV/VCB-HAIAN ngày 29/05/2019 để đầu tư dự án tàu container VNL Ruby; thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn, lãi vay trả 3 tháng/ lần. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp gồm: 02 xe nâng nhãn hiệu PPM Terex, cần trục chân đế Kirow Ardel GMBH, 5 đầu kéo và 5 somi romooc, tàu Hải An Link và tàu VNL Ruby.
 - Hợp đồng tín dụng dự án đầu tư tàu container HaiAn Time số 2015/DA/HĐTD/VCB-HA ngày 22/9/2015 với lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn cho vay đến ngày 22/09/2020. Khoản vay được bảo đảm bằng thế chấp tài sản sau đầu tư.
 - Hợp đồng vay số 01/2018/VCB-PANHAIAN ngày 12/09/2018 để thực hiện Dự án Logistics Pantos- Hải An số tiền vay tối đa là 300 tỷ đồng, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai thuộc Dự án (bao gồm: Tài sản gắn liền với đất, máy móc, thiết bị/ xe máy chuyên dùng, phương tiện vận tải).
- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Sở giao dịch 1 theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng cấp tín dụng số 66755.15.002.2486868.TD ngày 25 tháng 10 năm 2015 để thanh toán LC nhập khẩu 2 máy nâng container trục xoay, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng máy móc thiết bị hình thành sau đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Hợp đồng cấp tín dụng số 88928.16.002.2486868.TD ngày 07 tháng 12 năm 2015 để bổ sung nhu cầu vốn trung hạn để nhập container với lãi suất được quy định tại văn bản nhận nợ, thời hạn vay tối đa 60 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng các tài sản là 400 container các loại của Công ty
- Hợp đồng vay để đầu tư 01 tàu biển Container với lãi suất điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn vay 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 03 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(iv) Vay ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính theo hợp đồng số 0056-2020-HDDTD1-BV007 ngày 17/07/2020 vay để mua sắm tàu container chờ hàng đã qua sử dụng (IMO: 9470717) số tiền cho vay là 47.800.000.000 VND, thời hạn cho vay 60 tháng, ngày đến hạn trả nợ là 17/07/2025, tài sản đảm bảo là phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay.

(iv) Thuê tài chính Công ty Beacon Intermodal Leasing LLC theo hợp đồng Lease Schedule No. HCT-002 ngày 01/11/2019 để thực hiện Dự án Thuê mua Tài chính TSCĐ hữu hình lô 300 container 40HC (với tổng giá trị thuê 05 năm từ ngày 01 tháng 02 năm 2020 là 1.090.719 USD tương đương 25.419.206.295 VND). Thời hạn thuê 60 tháng kể từ 01/02/2020. Kết thúc thời hạn thuê, Công ty sẽ mua lại toàn bộ lô 300 container 40HC của bên cho thuê với giá 1USD/cont.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Từ 1 năm trở xuống | 81.202.169.555 | 75.732.071.288 |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 281.435.979.975 | 169.325.079.429 |
| Trên 5 năm | 66.956.370.180 | 67.634.581.400 |
| Cộng | <u>429.594.519.710</u> | <u>312.691.732.117</u> |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Số đầu năm | 236.959.660.829 | 164.633.001.418 |
| Số tiền vay phát sinh | 208.452.736.291 | 156.487.096.900 |
| Số tiền vay đã trả | (2.393.747.493) | (8.341.210.526) |
| Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn | (94.028.902.645) | (75.732.071.288) |
| CLTG do đánh giá lại số dư khoản vay có gốc ngoại tệ cuối năm | (597.396.827) | (87.155.675) |
| Số cuối năm | <u>348.392.350.155</u> | <u>236.959.660.829</u> |

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến tiền bồi thường hàng hỏng.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u> | <u>Chi quỹ trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|--------------------------|------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| Quỹ khen thưởng | 15.126.475.213 | 5.775.000.000 | (2.920.308.000) | 17.981.167.213 |
| Quỹ thưởng Ban điều hành | 4.594.444.434 | 4.331.000.000 | (1.544.800.000) | 7.380.644.434 |
| Cộng | <u>19.720.919.647</u> | <u>10.106.000.000</u> | <u>(4.465.108.000)</u> | <u>25.361.811.647</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Cộng |
|-----------------------------|------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|--------------------------|
| Số đầu năm trước | 487.827.510.000 | 115.606.612.922 | (14.920.919.678) | 179.564.070.809 | 188.364.837.620 | 262.234.132.546 | 1.218.676.244.219 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | - | 121.378.387.528 | 11.360.142.133 | 132.738.529.661 |
| Trích lập các quỹ | - | - | - | 27.337.000.000 | (36.905.000.000) | - | (9.568.000.000) |
| Trả cổ tức năm 2018 | - | - | - | - | (72.314.547.000) | (14.850.000.000) | (87.164.547.000) |
| Số dư cuối năm trước | 487.827.510.000 | 115.606.612.922 | (14.920.919.678) | 206.901.070.809 | 200.523.678.148 | 258.744.274.679 | 1.254.682.226.880 |
| Số dư đầu năm nay | 487.827.510.000 | 115.606.612.922 | (14.920.919.678) | 206.901.070.809 | 200.523.678.148 | 258.744.274.679 | 1.254.682.226.880 |
| Mua cổ phiếu quỹ | - | - | (7.984.565.500) | - | - | - | (7.984.565.500) |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | - | - | 138.296.287.136 | 8.301.462.660 | 146.597.749.796 |
| Trích lập các quỹ | - | - | - | 28.877.000.000 | (38.983.000.000) | - | (10.106.000.000) |
| Chia cổ tức năm 2019 | - | - | - | - | (47.392.798.000) | - | (47.392.798.000) |
| Số dư cuối năm nay | 487.827.510.000 | 115.606.612.922 | (22.905.485.178) | 235.778.070.809 | 252.444.167.284 | 267.045.737.339 | 1.335.796.613.176 |

(*) Công ty mua lại cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0203A-2020/NQ-HĐQT ngày 23 tháng 3 năm 2020. Việc mua lại đã được hoàn thành vào ngày 2 tháng 5 năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Vốn góp của chủ sở hữu | 487.827.510.000 | 487.827.510.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 115.606.612.922 | 115.606.612.922 |
| Cổ phiếu quỹ | (22.905.485.178) | (14.920.919.678) |
| Cộng | <u>580.528.637.744</u> | <u>588.513.203.244</u> |

22c. Cổ phiếu

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 48.782.751 | 48.782.751 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 48.782.751 | 48.782.751 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 48.782.751 | 48.782.751 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 1.389.953 | 573.053 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 1.389.953 | 573.053 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 47.392.798 | 48.209.698 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 47.392.798 | 48.209.698 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 số 0206-2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 như sau:

| | |
|---------------------------------|------------------|
| | VND |
| Chia cổ tức cho các cổ đông | : 47.392.798.000 |
| Trích quỹ đầu tư phát triển | : 28.877.000.000 |
| Trích quỹ Ban điều hành | : 4.331.000.000 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | : 5.775.000.000 |

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------|--------------------|-------------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 2.081.040,47 | 1.844.541,81 |
| Euro (EUR) | 5.628,46 | 301,83 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Doanh thu hoạt động khai thác cảng | 172.505.653.086 | 167.863.270.629 |
| Doanh thu hoạt động khai thác tàu | 944.730.004.637 | 880.237.417.463 |
| Doanh thu hoạt động khai thác khác | 74.431.544.656 | 60.832.361.269 |
| Cộng | <u>1.191.667.202.379</u> | <u>1.108.933.049.361</u> |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ khai thác cảng, khai thác tàu và cho thuê tài sản cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An | 113.740.235 | 241.482.819 |
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức | 3.334.714.097 | 3.438.689.460 |
| Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức tại Hải Phòng | 31.301.743.366 | 28.846.133.865 |
| Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức | 955.721.966 | 895.925.455 |
| Chi nhánh Công ty TNHH "K"Line (Việt Nam) tại thành phố Hải Phòng | 32.340.000 | |
| Công ty cổ phần Logistics New Way | 1.067.137.956 | 19.700.000 |

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn của hoạt động cảng | 84.229.939.558 | 88.839.755.624 |
| Giá vốn của hoạt động tàu | 818.478.942.009 | 767.605.552.440 |
| Giá vốn hoạt động khác | 49.576.594.200 | 33.202.095.448 |
| Cộng | <u>952.285.475.767</u> | <u>889.647.403.512</u> |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 7.416.516.554 | 8.726.502.162 |
| Lãi tiền cho vay | 1.824.657.534 | - |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 3.802.044.000 | 3.912.576.990 |
| Lãi chuyển nhượng công ty liên kết | | 803.100.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 3.184.677.718 | 2.005.673.499 |
| Lãi CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 870.872.963 | |
| Cộng | <u>17.098.768.769</u> | <u>15.447.852.651</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí lãi vay | 23.451.710.381 | 17.035.078.178 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 624.128.171 | 300.815.947 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 741.471.589 | 19.136.700 |
| Cộng | <u>24.817.310.141</u> | <u>17.355.030.825</u> |

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 37.375.374.486 | 34.926.512.913 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 1.239.243.260 | 1.397.699.416 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 1.025.056.794 | 884.330.371 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 4.248.381.236 | 3.959.419.534 |
| Thuế, phí và lệ phí | 118.669.637 | 126.584.000 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | 360.570.354 | 358.973.532 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 6.087.657.470 | 8.046.668.140 |
| Các chi phí khác | 17.431.377.901 | 17.508.975.066 |
| Cộng | <u>67.886.331.138</u> | <u>67.209.162.972</u> |

6. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | - | 1.438.747.248 |
| Tiền bồi thường | 1.108.077.674 | 1.609.558.629 |
| Xử lý công nợ | - | 221.028.147 |
| Thu nhập khác | 120.831.209 | 331.869.046 |
| Cộng | <u>1.228.908.883</u> | <u>3.601.203.070</u> |

7. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Thuế bị phạt, bị truy thu | 5.053.238 | 260.657.191 |
| Phạt vi phạm hành chính | 94.075.000 | 80.960.000 |
| Chi phí bồi thường | 218.074.740 | - |
| Ứng hộ chương trình "Nước cho vùng hạn mặn" | 230.000.000 | - |
| Xử lý công nợ | - | 370.642.595 |
| Chi phí khác | 273.748.064 | 12.120.875 |
| Cộng | <u>820.951.042</u> | <u>724.380.661</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Lãi trên cổ phiếu****8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|---------------------|---------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ | 138.296.287.136 | 121.378.387.528 |
| Trích quỹ khen thưởng, quỹ HDQT ⁽ⁱ⁾ | (7.949.000.000) | (8.184.281.814) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 130.347.287.136 | 113.194.105.714 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 47.668.082 | 48.209.698 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | <u>2.734</u> | <u>2.348</u> |

- (i) Quỹ khen thưởng, quỹ thưởng Ban điều hành năm 2020 được tạm tính bằng tỷ lệ trích 7% trên lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

Số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm được tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 48.209.698 | 48.209.698 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại 816.900 cổ phiếu quỹ ngày 24 tháng 4 năm 2020 | (541.616) | - |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | <u>47.668.082</u> | <u>48.209.698</u> |

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|---------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 303.091.015.713 | 324.723.742.074 |
| Chi phí nhân công | 138.420.657.119 | 115.960.854.371 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định ^(*) | 137.201.480.785 | 116.852.289.217 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 356.054.165.736 | 321.744.738.251 |
| Chi phí khác | 85.404.487.552 | 71.609.478.771 |
| Cộng | <u>1.020.171.806.905</u> | <u>950.891.102.684</u> |

- (*) Chi tiết chi phí khấu hao phát sinh như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 147.508.799.399 | 122.588.946.691 |
| Chi phí khấu hao hoạt động BCC phân chia cho các đơn vị | (10.307.318.614) | (13.168.904.968) |
| Cộng | <u>137.201.480.785</u> | <u>116.852.289.217</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan. Giao dịch khác trong năm chỉ có giao dịch về trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát với các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát với số tiền là 546.000.000 VND (cùng kỳ năm trước là 252.000.000 VND)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.17a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tiền lương | 3.834.737.923 | 3.896.728.210 |
| Phụ cấp | 458.450.000 | 618.400.000 |
| Tiền thưởng | 1.866.582.977 | 2.450.945.433 |
| Cộng | <u>6.159.770.900</u> | <u>6.966.073.643</u> |

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

| <u>Bên liên quan khác</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|---|--|
| Công ty TNHH Cảng Hải An | Công ty con |
| Công ty TNHH Vận tải Container Hải An | Công ty con |
| Công ty TNHH Pan Hải An | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Giao nhận vận tải Hải An | Công ty liên kết |
| Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An | Công ty liên kết của Công ty con |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An | Công ty con của Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà | Cổ đông lớn cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty TNHH "K" Line Logistic (Việt Nam) Ltd | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty Cổ phần Logistics New Way | Cùng thành viên quản lý chủ chốt |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------|------------------|
| Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An | | |
| Sử dụng dịch vụ của HAGS | 7.719.551.649 | 8.245.878.574 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà | | |
| Chi phí thuê văn phòng | 3.134.491.169 | 3.160.146.289 |
| Sử dụng dịch vụ khai thác cảng | 612.839.699 | - |
| HACT sử dụng dịch vụ tư vấn | 1.724.840.000 | 2.683.290.000 |
| Trả cổ tức | 5.567.500.000 | 8.351.250.000 |
| Nhận góp vốn theo hợp đồng BCC | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| Phân chia lãi BCC | 2.794.288.634 | 1.727.775.307 |
| Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải đa phương thức | | |
| Trả cổ tức | 1.722.060.000 | 6.483.090.000 |
| HACT sử dụng dịch vụ đại lý | 17.277.423.878 | 15.265.501.675 |
| Nhận góp vốn theo hợp đồng BCC | 15.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| Phân chia lãi BCC | 1.696.908.285 | - |
| Bên liên quan chia cổ tức | 1.000.000.000 | 700.000.000 |
| Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng | | |
| Sử dụng dịch vụ đại lý | 31.020.000 | 43.636.708 |
| Chi nhánh Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh | | |
| Chi phí vận chuyển đường bộ | 6.214.898.135 | 2.811.753.636 |
| Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh | | |
| Trả cổ tức | 2.000.000.000 | 3.000.000.000 |
| Sử dụng dịch vụ nâng hạ | 366.303.047 | 2.198.803.401 |
| Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh | | |
| Trả cổ tức | 1.000.000.000 | 1.500.000.000 |

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5a, V.12, V.17.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động khai thác cảng
- Lĩnh vực 02: Hoạt động khai thác tàu.
- Lĩnh vực 03: Hoạt động khác (gồm: vận tải đường bộ, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

| | Hoạt động khai thác cảng | Hoạt động khai thác tàu | Hoạt động khác | Cộng |
|---|---------------------------------|--------------------------------|------------------------|--------------------------|
| Năm nay | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 172.505.653.086 | 944.730.004.637 | 74.431.544.656 | 1.191.667.202.379 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | | | | |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 172.505.653.086 | 944.730.004.637 | 74.431.544.656 | 1.191.667.202.379 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 88.275.713.528 | 126.251.062.628 | 24.854.950.456 | 239.381.726.612 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | (67.886.331.138) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | 171.495.395.474 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | 17.098.768.769 |
| Chi phí tài chính | | | | (24.817.310.141) |
| Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | | | | 5.974.682.759 |
| Thu nhập khác | | | | 1.228.908.883 |
| Chi phí khác | | | | (820.951.042) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | (23.561.744.906) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | 146.597.749.796 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 15.420.601.816 | 221.692.765.026 | 184.379.177.165 | 421.492.544.007 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 41.820.852.266 | 64.666.701.916 | 9.251.954.766 | 115.739.508.948 |
| Năm trước | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 167.863.270.629 | 880.237.417.463 | 60.832.361.269 | 1.108.933.049.361 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | | | | |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 167.863.270.629 | 880.237.417.463 | 60.832.361.269 | 1.108.933.049.361 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 79.023.515.005 | 112.631.865.023 | 27.630.265.821 | 219.285.645.849 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | (67.209.162.972) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | 152.076.482.877 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | 15.447.852.651 |
| Chi phí tài chính | | | | (17.355.030.825) |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Hoạt động khai thác cảng | Hoạt động khai thác tàu | Hoạt động khác | Cộng |
|---|---------------------------------|--------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | | | | 3.056.485.639 |
| Thu nhập khác | | | | 3.601.203.070 |
| Chi phí khác | | | | (724.380.661) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | (23.364.083.090) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | 132.738.529.661 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 12.680.105.846 | 158.278.047.884 | 75.485.527.886 | 246.443.681.616 |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 42.823.119.031 | 91.101.183.927 | 16.543.843.107 | 150.468.146.065 |
| Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau: | | | | |
| | Hoạt động khai thác cảng | Hoạt động khai thác tàu | Các lĩnh vực khác | Cộng |
| Số cuối năm | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 281.524.286.190 | 872.707.428.782 | 483.544.592.547 | 1.637.776.307.519 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | | | | - |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | 456.774.971.026 |
| Tổng tài sản | | | | 2.094.551.278.545 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 41.491.940.130 | 384.059.144.979 | 239.864.410.228 | 665.415.495.337 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | | | | |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | 93.339.170.032 |
| Tổng nợ phải trả | | | | 758.754.665.369 |
| Số đầu năm | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 529.040.392.576 | 786.540.035.431 | 417.256.681.039 | 1.732.837.109.046 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | | | | |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | 1.827.544.202.998 |
| Tổng tài sản | | | | 1.827.544.202.998 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 21.821.128.420 | 326.928.853.056 | 166.000.424.017 | 514.750.405.493 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | | | | |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | 58.111.570.625 |
| Tổng nợ phải trả | | | | 572.861.976.118 |

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 23 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hảo

Trưởng phòng TCKT



Trần Thị Thanh Hảo

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải



**Now,
for tomorrow**

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

www.a-c.com.vn

HEAD OFFICE

02 Truong Son St., Ward 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: 028. 3 5472 972 Fax: 028. 3 5472 970 kttv@a-c.com.vn

Branch in Hanoi

40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi
Tel: 024. 3 736 7879
Fax: 024. 3 736 7869
kttv.hn@a-c.com.vn

Branch in Nha Trang

Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban
Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City
Tel: 0258. 2 465 151
Fax: 0258. 2 465 806
kttv.nt@a-c.com.vn

Branch in Can Tho

I5-13 Vo Nguyen Giap St.,
Cai Rang Dist., Can Tho City
Tel: 0292. 3 764 995
Fax: 0292. 3 764 996
kttv.ct@a-c.com.vn